TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 204/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2017
V/v: "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Phước Tân**;

2. Ông **Ngô Văn Thi**.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Huynh**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** – Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1954;
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1965;
Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà L có mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 06/3/2017 và các chứng cứ tài liệu kèm theo, bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông S qua mai mối rồi quen biết nhau nên về chung sống mà không tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn năm 2007. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông S thường xuyên đánh đập bà, vì vậy bà bỏ về nhà bà sinh sống cho đến ngày hôm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông S không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông Nguyễn Văn S theo quy định nhưng ông S vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án, mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của ông S làm việc nhưng vẫn không gặp ông S để ghi lời khai.

Theo biên bản xác minh ngày 23/5/2017, ông Phan Văn H trình bày: Hiện nay ông đang là Phó ấp A, thị trấn A, ông cho biết: Ông S có đăng ký hộ khẩu tại ấp A. Hiện nay ông S đã đi làm ăn xa nhưng cũng thường xuyên về địa phương. Theo ông được biết thì giữa ông S và bà L chung sống với nhau nhưng không có hạnh phúc, địa phương đã nhiều lần hòa giải cho hai người hàn gắn lại nhưng không có kết quả và đã ly thân nhau hơn 02 năm nay, còn nguyên nhân mâu thuẩn thì địa phương không rõ.

Về chứng cứ: Bà L cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 56 ngày 30/3/2007 của Ủy ban nhân dân xã T.

Tại Phiên tòa bà L bảo lưu ý kiến. Riêng ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX), xét xử vắng mặt ông S theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, được ly hôn với ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, quan điểm của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

1. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Đồng thời, ông S cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

2. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông S do mai mối, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông S, HĐXX xét thấy thời gian ly thân giữa bà L, ông S đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Bà L xác định không còn tình cảm với ông S nên không quan tâm đến cuộc sống của nhau và bà quyết xin ly hôn.

Ngoài ra, ông H là phó ấp A cho biết bà L, ông S sống với nhau không hạnh phúc, địa phương có hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà Lang nhưng không thành, bà L, ông S ly thân đã hơn 02 năm nay.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông S không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, muân thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do bà L và ông S không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân. Ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56 *Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L;

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010990 ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. (bà L đã nộp đủ).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/7/2017) các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông S là 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc được niêm yết bản án tại nơi cư trú.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Việt Quốc

Nơi nhận:
- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs